

Mẫu biên bản phiên toà hình sự sơ thẩm
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2004/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 11 năm 2004
của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao)

TOÀ ÁN ⁽¹⁾.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN PHIÊN TOÀ HÌNH SỰ SƠ THẨM

Vào hồi..... giờ..... phút ngày..... tháng..... năm.....

Tại: ⁽²⁾

Toà án.....

Mở phiên toà để xét xử sơ thẩm vụ án hình sự đối với bị cáo ⁽³⁾.....

Bị Viện kiểm sát.....

Truy tố về tội (các tội).....

theo cáo trạng số..... ngày..... tháng..... năm.....

Vụ án được xét xử ⁽⁴⁾.....

I. Những người tiến hành tố tụng:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông (Bà).....

Thẩm phán: Ông (Bà).....

Các Hội thẩm: ⁽⁵⁾

1. Ông (Bà):.....

Nghề nghiệp:.....

Nơi công tác:.....

2. Ông (Bà):.....

Nghề nghiệp:.....

Nơi công tác:.....

3. Ông (Bà):.....

Nghề nghiệp:.....

Nơi công tác:.....

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông (Bà).....

cán bộ Toà án ⁽⁶⁾

Đại diện Viện kiểm sát ⁽⁷⁾..... tham gia phiên toà:

1. Ông (Bà)..... Kiểm sát viên.

2. Ông (Bà)..... Kiểm sát viên.

II. Những người tham gia tố tụng:

1. Bị cáo..... sinh ngày..... tháng..... năm..... tại.....
trú tại.....; nghề nghiệp.....; trình độ văn hoá.....; con
ông..... và bà.....; có vợ (chồng) và.....con; tiền sự.....; tiền án
(8).....; bị bắt tạm giam ngày (9).

2.....

Người đại diện hợp pháp của bị cáo: (10)

Ông (Bà)..... sinh năm (hoặc tuổi).....; trú tại.....; nghề
nghiệp..... là: (11).....

Người bào chữa cho bị cáo: (12)

Ông (Bà).....

Người bị hại: (13).....

Người đại diện hợp pháp của người bị hại: (14).....

Nguyên đơn dân sự: (15).....

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự: (16).....

Bị đơn dân sự: (17).....

Người đại diện hợp pháp của bị đơn dân sự: (18).....

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: (19).....

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:
(20).....

Người bảo vệ quyền lợi cho người bị hại (nguyên đơn dân sự,...) (21).....

Ông (Bà).....

Người làm chứng: (22).....

Người giám định: (23).....

Người phiên dịch: (24).....

PHẦN THỦ TỤC BẮT ĐẦU PHIÊN TOÀ:

- Chủ toạ phiên toà tuyên bố khai mạc phiên toà và đọc quyết định đưa vụ án ra xét xử.
- Thư ký Toà án báo cáo danh sách những người tham gia tố tụng được triệu tập đến phiên toà.
- Chủ toạ phiên toà kiểm tra căn cước của những người tham gia tố tụng; giải thích quyền và nghĩa vụ của họ tại phiên toà; yêu cầu người phiên dịch, người giám định phải cam đoan làm tròn nhiệm vụ và yêu cầu người làm chứng là người thành niên phải cam đoan không khai gian dối.
- Chủ toạ phiên toà giới thiệu những người tiến hành tố tụng và hỏi Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng xem họ có đề nghị thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm, Kiểm sát viên, Thư ký Toà án, người giám định, người phiên dịch hay không. (25)

- Chủ tọa phiên toà hỏi bị cáo đã được giao nhận bản cáo trạng và quyết định đưa vụ án ra xét xử hay chưa. ⁽²⁶⁾

- Chủ tọa phiên toà hỏi Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng xem có ai yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng và tài liệu ra xem xét hay không. ⁽²⁷⁾

PHẦN THỦ TỤC XÉT HỎI TẠI PHIÊN TOÀ:⁽²⁸⁾

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

PHẦN TRANH LUẬN TẠI PHIÊN TOÀ:⁽²⁹⁾

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ VÀO PHÒNG NGHỊ ÁN.⁽³⁰⁾

Những sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng:⁽³¹⁾

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....
Phiên toà kết thúc vào hồi..... giờ..... phút ngày..... tháng..... năm

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Chữ ký

Chữ ký

Họ và tên

Họ và tên

Hướng dẫn sử dụng mẫu biên bản phiên toà hình sự sơ thẩm:

Mẫu biên bản phiên toà hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003. Mẫu biên bản phiên toà hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Toà án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu biên bản phiên toà hình sự sơ thẩm kèm theo:

- (1) Nếu là Toà án quân sự khu vực, thì ghi Toà án quân sự khu vực mấy Quân khu nào (ví dụ: Toà án quân sự khu vực 1 quân khu 4); nếu là Toà án quân sự quân khu thì ghi Toà án quân sự quân khu nào (ví dụ: Toà án quân sự Quân khu Thủ đô); nếu là Toà án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi Toà án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).
- (2) Ghi địa điểm nơi tiến hành phiên toà (ví dụ: Tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh H hoặc Tại Hội trường Ủy ban nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội).
- (3) Nếu vụ án có nhiều bị cáo thì ghi họ và tên bị cáo đầu vụ và đồng bọn (ví dụ: Nguyễn Văn A và đồng bọn).
- (4) Ghi vụ án được xét xử công khai hay xử kín.
- (5) Nếu Toà án nhân dân, thì ghi Hội thẩm nhân dân; nếu Toà án quân sự, thì ghi Hội thẩm quân nhân.
- (6) Ghi họ và tên của Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà và tên của Toà án, nơi Thư ký Toà án công tác như hướng dẫn tại điểm (1).
- (7) Ghi như hướng dẫn tại điểm (1), song đổi các chữ “Toà án nhân dân” thành “Viện kiểm sát nhân dân” và “Toà án quân sự” thành “Viện kiểm sát quân sự”; nếu chỉ có một Kiểm sát viên tham gia phiên toà thì chỉ ghi họ và tên của Kiểm sát viên đó; nếu có hai Kiểm sát viên tham gia phiên toà thì phải ghi đầy đủ họ và tên của cả hai Kiểm sát viên đó.
- (8) Ghi họ và tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu thấy đến năm phạm tội mà bị cáo mới 20 tuổi, thì nhất thiết phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh; nếu trên 20 tuổi thì có thể ghi năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi tạm trú. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án

thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án.

(9) Ghi ngày bị cáo bị bắt tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên toà thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên toà thì ghi “vắng mặt”.

(10) Nếu bị cáo nào có người đại diện hợp pháp thì ghi họ và tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A).

(11) Sau chữ “là” ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên toà thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên toà thì ghi “vắng mặt”.

(12) Nếu bị cáo nào có người bào chữa thì ghi họ và tên của bị cáo đó; sau chữ Ông (Bà) ghi họ và tên của người bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M); nếu có mặt tại phiên toà thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên toà thì ghi “vắng mặt”.

(13), (14), (15), (16), (17), (18), (19), (20) Nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi họ và tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trong trường hợp người bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người chưa thành niên, thì nhất thiết phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của người bị hại; nếu có mặt tại phiên toà thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên toà thì ghi “vắng mặt”.

(21) Nếu người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi họ và tên của họ theo thứ tự; sau chữ Ông (Bà) ghi họ và tên; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên toà thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên toà thì ghi “vắng mặt”.

(22) Ghi họ và tên; nơi cư trú.

(23) Ghi họ và tên, nghề nghiệp, nơi làm việc.

(24) Ghi họ và tên, nghề nghiệp, nơi làm việc hoặc cư trú.

(25), (26), (27) Sau từng mục ghi việc trả lời của những người được hỏi. Nếu có người đề nghị hoặc yêu cầu, thì ghi đề nghị hoặc yêu cầu của họ và ghi quyết định giải quyết của Hội đồng xét xử.

(28) Bắt đầu của phần này ghi: “Kiểm sát viên đọc bản cáo trạng”. Nếu Kiểm sát viên trình bày ý kiến bổ sung thì ghi tóm tắt ý kiến bổ sung của Kiểm sát viên. Sau đó ghi việc xét hỏi tại phiên toà.

(29) Ghi tóm tắt các ý kiến phát biểu và đối đáp; ghi lời nói sau cùng của bị cáo.

(30) Nếu sau khi nghị án Hội đồng xét xử tuyên án thì tiếp đó ghi: “Hội đồng xét xử tuyên án theo bản án gốc đã được Hội đồng xét xử thông qua tại phòng nghị án” (không phải ghi phần quyết định của bản án). Nếu Hội đồng xét xử có quyết định khác thì ghi quyết định của Hội đồng xét xử (ví dụ: Hội đồng xét xử quyết định trả hồ sơ cho Viện kiểm sát để điều tra bổ sung hoặc

Hội đồng xét xử quyết định tạm đình chỉ vụ án và kiến nghị với Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp xem xét việc Kiểm sát viên rút toàn bộ quyết định truy tố).

(31) Ghi theo hướng dẫn tại tiểu mục 4.2 mục 4 Phần II của Nghị quyết số 04/2004/NQ-HĐTP ngày 05-11-2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ ba “Xét xử sơ thẩm” của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003.

Cần chú ý: Nếu phiên toà diễn ra trong nhiều ngày thì khi kết thúc mỗi ngày cần ghi: “Hội đồng xét xử tạm nghỉ” và khi tiếp tục phiên toà cần ghi: “Ngày... tháng... năm... Hội đồng xét xử tiếp tục phiên toà”.